

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Chiên.

2. Bà Trần Thị Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị N, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn T, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản V, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không lý do (lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Vàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh T sử dụng chất ma túy, từ đó giữa chị và anh T thường xảy ra những cãi vã. Nều lần chị đã khuyên anh T từ bỏ ma túy nhưng anh T không thay đổi. Hơn nữa cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, không quan tâm đến nhau. Đến khoảng tháng 5/2018 chị và anh T quyết định sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh T không ai quan tâm đến ai, hiện tại bản thân chị không còn tình cảm với anh T do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn T để vợ chồng giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị và anh Vàng Văn T có 01 con chung. Cháu tên là Vàng Tiến T, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sinh sống cùng chị tại phường T, TP. L, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Vàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận chị và anh Vàng Văn T không có nợ chung.

[2] Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Vàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vàng Thị N về chung sống từ đầu năm 2015 đến ngày 03/9/2015 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa anh và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N ham mê cờ bạc, Nhiều lần anh nhắc nhở, khuyên can chị N nhưng chị N không thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra những cãi vã. Sau mâu thuẫn đó anh và chị N quyết định sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân anh và chị N không ai quan tâm đến ai. Hiện tại bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị N, cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng rơi vào bế tắc kể từ khi xảy ra mâu thuẫn, vì vậy anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị N để vợ chồng giải thoát cho nhau.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Vàng Tiến T, sinh ngày 17/7/2015. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị Vàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận anh và chị N không có nợ chung.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng nghĩa vụ có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Vàng Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vàng Tiến T, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Vàng Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành tổ tụng đúng theo quy định, trình tự của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập, tuy Nền tại phiên Tòa sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2019 bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn về Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vàng Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn T kết hôn với nhau ngày 03/9/2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo như chị N trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện anh T sử dụng chất ma túy, từ đó dẫn đến hai vợ chồng xảy ra những cãi vã. Anh T cho rằng mâu thuẫn là do chị N ham mê cờ bạc, mặc dù anh đã khuyên chị nhiều lần nhưng chị N không thay. Đến khoảng tháng 5/2018 thì anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Hiện tại cả hai anh chị đều không còn tình cảm với nhau. Chị N và anh T đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và mong muốn ly hôn.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích là chung sống hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và anh T.

[3]. Về nuôi con chung:

Chị và anh Vàng Văn T có 01 con chung là cháu Vàng Tiến T, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sinh sống, học tập cùng chị tại thành phố L, tỉnh Lai Châu. Sau ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi trưởng thành và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu thành hiện còn nhỏ, đang sống và học tập ổn định với mẹ tại thành phố L, chị N công việc là cắt tóc gọi đầu thu nhập khoảng 6 triệu đồng/01 tháng, anh T sau khi ly thân về sống, làm việc phụ xây tại xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu với thu nhập theo anh T khai khoảng 200.000 đồng/01 ngày, anh cũng trình bày do tính chất công việc của mình nên cũng nhờ em gái hỗ trợ cho việc trông con. Xem xét các điều kiện về công việc, thu nhập, điều kiện cho cháu T về giáo dục, y tế, sự chăm sóc trực tiếp của bố, mẹ dành cho con thì Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về chia tài sản chung: Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Vàng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vàng Tiến T, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Vàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị N phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thăm nom con chung mà không được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vàng Thị N không yêu cầu anh Vàng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Vàng Thị N và anh Vàng Văn T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2010/0002131 ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá

HTND

HTND

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá